

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 06 - 8 - 2021

V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa*

*bà N và ông H.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Lê Thị Sáu**

2. Bà **Phan Thị Hà**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hòa** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **06** tháng **8** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự.

\* **Nguyên đơn:** Bà **Quách Thị N**, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

\* **Bị đơn:** Ông **Quách Văn H**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Quách Thị N trình bày:***

***\* Về hôn nhân:***

Bà N và ông H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau từ tháng 11/2011 nhưng đến ngày 09/7/2014 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp. Ông H thường xuyên ghen tuông vô cớ, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh đập vợ, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông H.

Còn ông H thì cho rằng: nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bà H hay nhảm tin, hện hò, hay đi theo bạn bè đàn đúm, nhậu nhẹt hàng ngày, nhiều khi còn đi thâu đêm, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. nhiều khi do bức tức và ức chế nên ông H có đánh bà N. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 05 tháng nay. Ông H cho rằng vì ông vẫn còn tình cảm với vợ và còn thương con nên ông không đồng ý ly hôn.

\* *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Quách Gia C1, sinh ngày 26/4/2012 và cháu Quách Quỳnh Gia C2, sinh ngày 27/7/2018. Hiện nay 02 con chung đang ở với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Còn ông H cũng yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên và không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

\* *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N và ông H đều trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải được nhưng không thành.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

\* **Về tố tụng**: Bà Quách Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc tranh chấp “*Ly hôn*” với ông Quách Văn H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Quách Thị N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Quách Văn H đã được triệu tập hợp lệ (tổng đạt trực tiếp) nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* **Về nội dung**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà N và ông H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông vào ngày 09/7/2014. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hoàn toàn hợp pháp.

Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp, nhiều lần xảy ra cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ông H hay ghen tuông vô cớ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông H. Còn ông H thì cho rằng bà N hay tụ tập bạn bè đàn đúm, nhậu nhẹt và ghen tuông nhưng lại không có chứng cứ gì để chứng minh. Điều đó chứng tỏ cuộc sống

chung của vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng sống chung nhưng không tin tưởng nhau. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông H.

\* Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Quách Gia C1, sinh ngày 26/4/2012 và cháu Quách Quỳnh Gia C2, sinh ngày 27/7/2018. Hiện nay 02 con chung đang ở với bà N. Khi ly hôn, bà N và ông H đều yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Xét thấy, hiện nay 02 con chung còn nhỏ, đang có cuộc sống ổn định với bà N. Bà N cho rằng mình có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu C1 có nguyện vọng mong muốn được ở với bà N. Vì vậy để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà N về việc nhận nuôi con chung; giao cả 02 con chung cho bà N có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Bà N yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ/01 cháu. Mức cấp dưỡng mà bà N yêu cầu là hoàn toàn phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N và ông H đều trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Buộc bà N phải chịu 300.000đ tiền án phí phí ly hôn sơ thẩm. Buộc ông H phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

**1/ Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị N đối với ông Quách Văn H về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho bà Quách Thị N được ly hôn với ông Quách Văn H.

**2/ Về con chung**:

Giao 02 con chung là cháu Quách Gia C1, sinh ngày 26/4/2012 và cháu Quách Quỳnh Gia C2, sinh ngày 27/7/2018 cho bà Quách Thị N có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Ông Quách Văn H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ/cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

*Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

**3/ Về án phí:**

Bà Quách Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Quách Thị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004825 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Quách Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Quách Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

**4/ Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/8/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện B;
- UBND xã Q, T, Đắc Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký*

**Nguyễn Đức Trường**

